

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIA LAI CTC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 37
8. Phụ lục 01	38
9. Phụ lục 02	39
10. Phụ lục 03	40 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (tiền thân là Công ty Cổ phần Văn hóa – Du lịch Gia Lai) được thành lập theo Quyết định số 1506/QĐ-CT ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai về việc chuyển Công ty Văn hóa – Du lịch Gia Lai thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900230301, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : 0269.3.824.332
- Fax : 0269.3.824.259

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Bình Định	Số 120, Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi	204 Nguyễn Nghiêm, phường Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại Phú Yên	Ô phố B8, khu dân dụng Duy Tân, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Nam	24 Trần Cao Vân, phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; mua bán phim ảnh và băng hình; mua bán quà lưu niệm; khách sạn; dịch vụ karaoke, quảng cáo; mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu; mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải khách bằng taxi; dịch vụ tắm hơi, massage; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chăn nuôi khác; cho thuê mặt bằng kinh doanh; kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh; mua bán đồ chơi trẻ em; bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh; phát hành xuất bản phẩm; mua bán hàng công mỹ nghệ; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; vận tải hành khách đường thủy nội địa; kinh doanh lữ hành nội địa; bán lẻ điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
1. Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2017
2. Lưu Chí Hòa	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2018
3. Hoàng Trung Hiếu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
4. Đặng Thanh Toàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
5. Nguyễn Trần Hanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018
6. Đỗ Đức Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
7. Đặng Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

8. Tống Văn Thiều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2017
9. Hứa Minh Trí	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
1. Nguyễn Thị Triều Ninh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
2. Mai Văn Huân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017
3. Lê Thị Hồng Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Đặng Thanh Toàn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016
2. Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016
3. Bùi Viết Phú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Thanh Toàn – Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2016).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

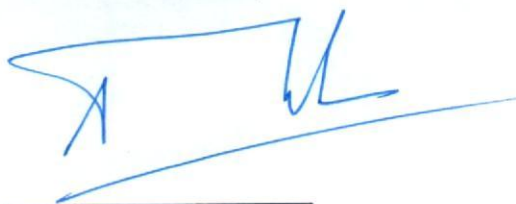
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số: 4.0135/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại thuyết minh V.8 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty đang ghi nhận hàng hóa thiếu hụt tại một số nhà sách của năm 2016 trên khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý là 12.007.683.737 VND và đang chờ Hội đồng quản trị xem xét, tìm hiểu nguyên nhân để đưa ra quyết định xử lý. Ngoài ra, Công ty ghi nhận chênh lệch hàng hóa thiếu và thừa giữa phần mềm quản lý bán hàng tại các nhà sách và phần mềm kế toán chưa xác định được nguyên nhân trên khoản mục tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản thừa chờ xử lý lần lượt là 1.769.181.621 VND và 2.910.512.930 VND (xem thuyết minh V.8 và V.19a). Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể xác định mức độ ảnh hưởng của vấn đề này đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, một số công nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu xác nhận, chi tiết như sau:

Chi tiêu	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)	Thuyết minh
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.623.277.391	13.660.412.133	V.3
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.160.105.868	9.336.384.030	V.4
Phải thu ngắn hạn khác	4.142.355.063	5.113.666.402	V.6a
Phải trả người bán ngắn hạn	12.182.540.904	13.231.379.595	V.14a
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	496.802.632	254.037.432	V.15
Phải trả ngắn hạn khác	165.000.000	-	V.19a
Vay cá nhân và doanh nghiệp	11.436.763.543	14.222.839.621	V.20a,b
Cộng	37.206.845.401	55.818.719.213	

Với những tài liệu hiện có của Công ty, chúng tôi đã không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết khác để đảm bảo tính đầy đủ, quyền và nghĩa vụ đối với các số dư nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2014-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên – Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.704.806.155	63.394.181.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.873.329.459	1.201.950.749
1. Tiền	111		6.873.329.459	1.201.950.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	100.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.730.710.353	40.382.788.407
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.011.502.990	16.078.055.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	11.200.544.222	10.340.926.397
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	11.002.286.432	7.447.429.942
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(7.260.488.649)	(7.260.488.649)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	13.776.865.358	13.776.865.358
IV. Hàng tồn kho	140		19.439.980.571	20.673.055.497
1. Hàng tồn kho	141	V.9	19.439.980.571	20.673.055.497
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.660.785.772	1.036.386.788
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	6.363.920.569	806.827.084
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.148.009	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	241.717.194	229.559.704
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		167.571.930.858	177.267.827.376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		205.514.000	196.614.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	127.000.000	127.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	78.514.000	69.614.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		147.383.532.422	154.884.423.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	146.026.301.660	153.212.317.660
- Nguyên giá	222		209.211.973.748	209.211.973.748
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.185.672.088)	(55.999.656.088)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.357.230.762	1.672.105.610
- Nguyên giá	228		1.868.461.637	2.097.289.637
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(511.230.875)	(425.184.027)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.437.038.843	1.437.038.843
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.437.038.843	1.437.038.843
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		17.521.039.792	17.521.039.792
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	17.521.039.792	17.521.039.792
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.024.805.801	3.228.711.471
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.024.805.801	3.228.711.471
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		245.276.737.013	240.662.008.817

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		152.965.208.310	148.411.309.832
I. Nợ ngắn hạn	310		129.361.857.768	116.574.879.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	19.199.126.818	20.207.654.918
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	544.948.632	254.037.432
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.366.395.129	2.467.357.107
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1.255.629.656	814.940.107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.001.196.133	674.680.929
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	3.917.443.201	4.845.716.770
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	100.941.046.439	87.174.420.794
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	136.071.760	136.071.760
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.603.350.542	31.836.430.015
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	2.066.000.000	1.800.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	21.537.350.542	30.036.430.015
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

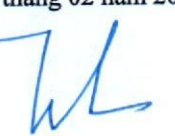
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.311.528.703	92.250.698.985
I. Vốn chủ sở hữu	410		92.311.528.703	92.250.698.985
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	87.999.260.000	87.999.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		87.999.260.000	87.999.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	3.056.845.000	3.056.845.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	1.194.593.985	3.371.385.893
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	60.829.718	(2.176.791.908)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(2.176.791.908)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		60.829.718	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		245.276.737.013	240.662.008.817


 Lê Quang Hùng
 Người lập


 Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng



Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2019


 Đặng Thanh Toàn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	85.695.834.169	130.039.415.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.695.834.169	130.039.415.396
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.904.598.157	100.913.152.504
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.791.236.012	29.126.262.892
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.806.103.910	8.685.100.837
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.198.116.174	10.852.840.657
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.198.116.174	10.852.025.657
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.805.619.928	19.078.415.109
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.547.021.131	10.800.178.431
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.582.689	(2.920.070.468)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	828.335.093	3.519.399.355
12. Chi phí khác	32	VI.8	814.088.064	173.757.590
13. Lợi nhuận khác	40		14.247.029	3.345.641.765
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.829.718	425.571.297
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.829.718	425.571.297
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	7	48
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a	7	48

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2019


Lê Quang Hùng
Người lập


Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng


Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.829.718	425.571.297
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11, V.12	7.304.562.848	7.418.294.779
- Các khoản dự phòng	03		-	2.302.861.280
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(1.646.791.341)	(886.427.743)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.198.116.174	10.852.025.657
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.916.717.399	20.112.325.270
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.453.014.245)	958.438.937
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.233.074.926	10.665.919.325
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(757.382.058)	(7.382.268.914)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.353.187.815)	2.071.018.474
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.4	(9.154.381.810)	(11.931.697.294)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(568.173.603)	14.493.735.798
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(461.792.799)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.12, VI.7	851.727.272	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	100.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	20.278.869	9.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		972.006.141	(461.783.219)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a	167.919.447.087	135.667.600.213
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(162.651.900.915)	(149.640.958.704)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.267.546.172	(13.973.358.491)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.671.378.710	58.594.088
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.201.950.749	1.143.356.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.873.329.459	1.201.950.749

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2019


 Lê Quang Hùng
 Người lập


 Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng


 Đặng Thanh Toàn
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gia Lai CTC (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; mua bán phim ảnh và băng hình; mua bán quà lưu niệm; khách sạn; dịch vụ karaoke, quảng cáo; mua bán rượu, bia sản xuất trong nước và nhập khẩu; mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng; dịch vụ tắm hơi, massage; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; cho thuê mặt bằng kinh doanh; kinh doanh dịch vụ văn hóa vui chơi giải trí; giáo dục tiểu học; giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; kinh doanh và phát hành sách, văn hóa phẩm, dụng cụ thể thao, mỹ phẩm; bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; mua bán hàng tiêu dùng, gia dụng và điện máy; kinh doanh ảnh màu điện tử, vật tư ngành ảnh; mua bán đồ chơi trẻ em; bán buôn các loại thực phẩm tươi sống, thực phẩm đông lạnh; phát hành xuất bản phẩm; mua bán hàng công mỹ nghệ; cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác; bán lẻ điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

- Trong năm, Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi và Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Nam đã tạm ngưng hoạt động.
- Theo Công văn số 69/2017/CV-CTC ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Ban lãnh đạo mới Công ty Cổ phần Gia Lai CTC, chính thức khởi kiện Ban lãnh đạo cũ về việc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý kinh tế, lợi dụng chức vụ quyền hạn để trục lợi, gây thất thoát nghiêm trọng tài sản của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ kiện vẫn đang tiếp tục trong quá trình điều tra chưa có kết luận chính thức.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	Số 3, Nguyễn Tất Thành, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Cung cấp dịch vụ ăn uống	27,72%	27,72%	27,72%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 191 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 192 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, bảo dưỡng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 30
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 20

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 10 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.213.071.336	409.413.772
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.660.258.123	792.536.977
Cộng	6.873.329.459	1.201.950.749

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	100.000.000	100.000.000
Cộng			100.000.000	100.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai ⁽¹⁾	17.521.039.792	-	17.521.039.792	-
Cộng	17.521.039.792	-	17.521.039.792	-

⁽¹⁾ Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là 809.261 cổ phần, chiếm 40,46% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 02/NQHĐQT/CTC ngày 03 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

về việc không đồng ý mua số cổ phần được quyền mua thêm 404.630 cổ phần từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2016 tại Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai. Do vậy, Công ty chỉ còn nắm giữ 27,72% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Không phát sinh dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Giao dịch với các công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức được chia	971.113.200	886.418.163
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	10.242.709	10.242.709
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	10.242.709	10.242.709
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.001.260.281	16.067.812.650
Công ty Cổ phần Gia Lai CTC Nghệ An	677.867.298	677.867.298
Hộ kinh doanh Dương Trung Thành	390.000.000	390.000.000
Hộ kinh doanh Đinh Thiên Hùng	361.433.801	695.379.741
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	1.497.193.235	1.497.193.235
Hồ Nguyễn Thống	133.650.979	333.650.979
Đặng Văn Thanh	312.000.000	312.000.000
Nguyễn Thị Lan	312.000.000	312.000.000
Khách hàng tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi	1.085.937.798	1.085.937.798
Khách hàng tại Nhà hàng Lá Xanh	1.040.338.132	1.131.028.845
Khách hàng tại Nhà sách Siêu thị Gia Lai C.T.C Pleiku	953.852.248	603.210.550
Khách hàng tại Nhà sách Kbang	360.768.272	400.627.766
Khách hàng tại Tre Xanh Plaza	3.213.352.522	3.213.352.522
Các khách hàng khác	5.662.865.996	5.415.563.916
Cộng	<u>16.011.502.990</u>	<u>16.078.055.359</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>		
Doanh nghiệp tư nhân Duy Thu	351.484.900	351.484.900
Nhà hàng Lá Xanh	738.685.684	738.685.684
Nguyễn Hoàng Long	1.175.750.000	1.175.750.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyễn Văn Thương	586.716.100	586.716.100
Trương Văn Sinh	514.807.460	514.807.460
Các nhà cung cấp khác	7.833.100.078	6.973.482.253
Cộng	<u>11.200.544.222</u>	<u>10.340.926.397</u>

5. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các cá nhân khác</i>		
Cho cá nhân khác vay ^(*)	127.000.000	127.000.000
Cộng	<u>127.000.000</u>	<u>127.000.000</u>

^(*) Cho cán bộ công nhân viên Công ty vay.**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.857.531.363	-	886.418.163	-
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai - Cổ tức được chia	1.857.531.363	-	886.418.163	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.144.755.069	(1.580.621.351)	6.561.011.779	(1.580.621.351)
Công ty Cổ phần Giáo dục và Phát triển nguồn nhân lực Châu Á Thái Bình Dương	1.289.920.000	-	1.289.920.000	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế - Phải thu người lao động	1.292.912.346	-	692.451.893	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	418.864.000	-	372.848.637	-
Tạm ứng	1.057.930.516	-	461.660.832	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.085.128.207	(1.580.621.351)	3.744.130.417	(1.580.621.351)
Cộng	<u>11.002.286.432</u>	<u>(1.580.621.351)</u>	<u>7.447.429.942</u>	<u>(1.580.621.351)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gia Lai CTC tại tỉnh Quảng Ngãi - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	1.085.937.798	542.968.899	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.085.937.798	542.968.899
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Phải thu tiền hàng	Từ 2 năm đến trên 3 năm	4.520.680.358	1.959.063.138	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	4.520.680.358	1.959.063.138
Phải thu các cá nhân khác	Từ 2 năm đến	2.594.380.151	1.013.758.800	Từ 1 năm đến	2.594.380.151	1.013.758.800

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khác	trên 3 năm			dưới 3 năm		
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác- Phải thu cho vay	Trên 3 năm	127.000.000	-	Trên 3 năm	127.000.000	-
Nguyễn Hoàng Long - Trả trước người bán	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.175.750.000	823.025.000	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.175.750.000	823.025.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác - Trả trước người bán	Từ 2 năm đến trên 3 năm	3.296.113.722	1.200.557.543	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	3.296.113.722	1.200.557.543
Cộng		12.799.862.029	5.539.373.380		12.799.862.029	5.539.373.380

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.260.488.649	4.957.627.369
Trích lập dự phòng bổ sung	-	2.302.861.280
Số cuối năm	7.260.488.649	7.260.488.649

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng tồn kho (*)	13.776.865.358	13.776.865.358
Cộng	13.776.865.358	13.776.865.358

(*) Trong đó:

- Hàng hóa chênh lệch giữa chi tiết phần mềm quản lý hàng hóa với phần mềm kế toán tại các nhà sách tại thời điểm 31/12/2016 với số tiền 1.769.181.621 VND chưa xác định nguyên nhân.
- Hàng hóa thiếu hụt sau kiểm kê của một số nhà sách trong năm 2016 với số tiền 12.007.683.737 VND chưa rõ nguyên nhân. Hội đồng quản trị Công ty đang xem xét tìm hiểu rõ nguyên nhân để đưa biện pháp xử lý.

9. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	162.856.988	-	67.811.782	-
Hàng hóa	19.277.123.583	-	20.605.243.715	-
Cộng	19.439.980.571	-	20.673.055.497	-

10. Chi phí trả trước**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	74.884.725	282.512.864
Chi phí công cụ, dụng cụ	417.400.905	408.460.890
Chi phí nhà sách nhân dân	87.933.538	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.783.701.401	115.853.330
Cộng	6.363.920.569	806.827.084

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	362.119.469	2.148.240.909
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	662.686.332	1.055.781.666
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	24.688.896
Cộng	<u>1.024.805.801</u>	<u>3.228.711.471</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 140.191.518.602 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

12. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.236.198.137	861.091.500	2.097.289.637
Thanh lý, nhượng bán	(196.328.000)	-	(196.328.000)
Điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện	-	(32.500.000)	(32.500.000)
Số cuối năm	<u>1.039.870.137</u>	<u>828.591.500</u>	<u>1.868.461.637</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	45.000.000	45.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	425.184.027	425.184.027
Khấu hao trong năm	-	118.546.848	118.546.848
Điều chỉnh giảm do không đủ điều kiện	-	(32.500.000)	(32.500.000)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>511.230.875</u>	<u>511.230.875</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.236.198.137	435.907.473	1.672.105.610
Số cuối năm	<u>1.039.870.137</u>	<u>317.360.625</u>	<u>1.357.230.762</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 737.352.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai (xem thuyết minh số V.20a).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	1.437.038.843	-	-	1.437.038.843
Công viên Đồng Xanh	1.437.038.843	-	-	1.437.038.843
Cộng	<u>1.437.038.843</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.437.038.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần In_ Đầu tư Phát triển Giáo dục Gia Lai	228.040.639	422.217.815
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tân Thuận Tiến	202.624.004	432.593.676
Công ty TNHH Văn hóa - Sáng tạo Trí Việt	361.627.992	362.332.986
Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	59.468.239	90.808.775
Công ty Cổ phần Văn hóa Huy Hoàng - Chi nhánh phía Nam	424.499.832	466.161.162
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Trẻ	334.910.207	340.237.942
Chi nhánh Nhà xuất bản Kim Đồng tại Miền Trung	342.743.533	388.846.541
Các nhà cung cấp khác	17.245.212.372	17.704.456.021
Cộng	<u>19.199.126.818</u>	<u>20.207.654.918</u>

14b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Nguyễn Văn	194.296.863	194.296.863
Các nhà cung cấp khác	4.783.841.341	2.666.848.483
Cộng	<u>4.978.138.204</u>	<u>2.861.145.346</u>

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Nguyễn Văn Lâm	205.832.000	205.832.000
Khách hàng tại Nhà hàng Tre Xanh	256.765.200	-
Các khách hàng khác	82.351.432	48.205.432
Cộng	<u>544.948.632</u>	<u>254.037.432</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
				<u>nộp</u>		
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.338.872.000	1.456.080	4.787.339.449	(4.783.865.941)	2.342.345.508	1.456.080
Thuế tiêu thụ đặc biệt	8.912.952	-	-	-	8.912.952	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	194.090.944	-	-	-	- 194.090.944
Thuế thu nhập cá nhân	-	34.012.680	109.449.084	(60.299.735)	15.136.669	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	119.572.155	-	1.022.266.808	(1.188.009.133)	-	- 46.170.170
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	(15.000.000)	-	-
Cộng	<u>2.467.357.107</u>	<u>229.559.704</u>	<u>5.934.055.341</u>	<u>(6.047.174.809)</u>	<u>2.366.395.129</u>	<u>241.717.194</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nhà sách: bán sách các loại	Không chịu thuế, 5%, 10%
Siêu thị	10%
Dịch vụ cho thuê văn phòng, ăn uống, nhà hàng, khách sạn	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.829.718	425.571.297
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	814.088.064	173.757.590
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	874.917.782	599.328.887
Thu nhập được miễn thuế	(971.113.200)	(8.676.427.743)
- Lãi hợp tác kinh doanh	-	(7.790.000.000)
- Cổ tức được chia	(971.113.200)	(886.427.743)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(96.195.418)	(8.077.098.856)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất đang sử dụng với mức phí thuê theo quy định trong hợp đồng thuê đất.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1.255.629.656	814.940.107
Cộng	1.255.629.656	814.940.107

Tiền lương tháng 12 năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lãi vay	107.986.153	64.251.789
Chi phí tại nhà hàng, khách sạn	793.609.560	141.338.257
Chi phí tại nhà sách	99.600.420	86.590.883
Chi phí lương thưởng nhân viên	-	382.500.000
Cộng	<u>1.001.196.133</u>	<u>674.680.929</u>

19. Phải trả khác**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	739.116.268
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai - Tiền lãi vay	-	739.116.268
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	3.917.443.201	4.106.600.502
Tài sản thừa chờ giải quyết (*)	2.919.619.332	2.919.619.332
Bảo hiểm y tế	101.720.072	68.714.672
Bảo hiểm thất nghiệp	46.390.249	31.615.849
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	673.252.063	887.539.817
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	176.461.485	199.110.832
Cộng	<u>3.917.443.201</u>	<u>4.845.716.770</u>

(*) Trong đó, chênh lệch hàng hóa thừa giữa phần mềm quản lý bán hàng tại các nhà sách và phần mềm kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa xác định được nguyên nhân số tiền 2.910.512.930 VND.

19b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay**20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	15.547.339.621	8.747.339.621
Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai (xem thuyết minh số V.20b) ⁽ⁱ⁾	8.747.339.621	8.747.339.621
Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱⁱ⁾	6.800.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	85.393.706.818	78.427.081.173
Vay ngắn hạn ngân hàng	81.738.706.818	72.804.482.508
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	44.999.559.137	37.809.415.293
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ^(iv)	36.739.147.681	34.995.067.215
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	180.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.655.000.000	5.442.598.665
Cộng	100.941.046.439	87.174.420.794

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất theo lãi suất ngân hàng BIDV Gia Lai. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 03 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để bổ sung vốn kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C, với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11 và V.12).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để bổ sung vốn kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà sách với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.11).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	72.804.482.508	159.519.447.087		- (150.585.222.777)	81.738.706.818
Vay ngắn hạn các cá nhân	180.000.000	8.400.000.000		- (1.780.000.000)	6.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	14.189.938.286		- 7.257.500.000	(9.045.098.665)	12.402.339.621
Cộng	87.174.420.794	167.919.447.087	7.257.500.000	(161.410.321.442)	100.941.046.439

20b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay dài hạn các bên liên quan</i>	<i>1.305.500.000</i>	-	<i>1.305.500.000</i>	-
- Vay các cá nhân có liên quan ⁽ⁱ⁾	1.305.500.000	-	1.305.500.000	-
<i>Vay dài hạn các tổ chức khác</i>	<i>20.231.850.542</i>	<i>18.483.726.620</i>	<i>28.730.930.015</i>	<i>24.041.226.620</i>
Vay dài hạn ngân hàng	18.483.726.620	18.483.726.620	24.041.226.620	24.041.226.620
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	3.602.500.000	3.602.500.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai ⁽ⁱⁱ⁾	18.483.726.620	18.483.726.620	20.438.726.620	20.438.726.620

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các cá nhân khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.748.123.922	-	4.689.703.395	-
Cộng	21.537.350.542	18.483.726.620	30.036.430.015	24.041.226.620

- (i) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay bằng lãi suất vay ngắn hạn theo Ngân hàng thương mại nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay 03 năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để đầu tư xây dựng khách sạn và cải tạo, nâng cấp nhà hàng với lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần, thời hạn vay được quy định theo từng hợp đồng vay cụ thể, thời hạn tối thiểu là 96 tháng và tối đa là 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.11).
- (iii) Vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân khác để bổ sung vốn kinh doanh, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất vay bằng lãi suất vay ngắn hạn theo Ngân hàng thương mại nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định, thời hạn vay 03 năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
		Số cuối năm		
Vay dài hạn ngân hàng	22.138.726.620	3.655.000.000	18.483.726.620	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.747.339.621	8.747.339.621	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	3.053.623.922	-	3.053.623.922	-
Cộng	33.939.690.163	12.402.339.621	21.537.350.542	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	29.483.825.285	5.442.598.665	24.041.226.620	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	8.747.339.621	8.747.339.621	-	-
Vay dài hạn các cá nhân	5.995.203.395	-	5.995.203.395	-
Cộng	44.226.368.301	14.189.938.286	30.036.430.015	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Vay dài hạn ngân hàng	24.041.226.620	(5.557.500.000)	-
Vay dài hạn các cá nhân	5.995.203.395	(1.700.000.000)	(1.241.579.473)	3.053.623.922
Cộng	30.036.430.015	(7.257.500.000)	(1.241.579.473)	21.537.350.542

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Các bên liên quan	1.305.500.000	-	1.305.500.000	1.305.500.000	-	1.305.500.000
Vay các cá nhân có liên quan	1.305.500.000	-	1.305.500.000	1.305.500.000	-	1.305.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Các đơn vị và cá nhân khác	1.748.123.922	-	1.748.123.922	4.689.703.395	-	4.689.703.395
Vay dài hạn các cá nhân khác	1.748.123.922	-	1.748.123.922	4.689.703.395	-	4.689.703.395
Cộng	3.053.623.922	-	3.053.623.922	5.995.203.395	-	5.995.203.395

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán và đã được gia hạn nợ.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(230.903.649)	-	(230.903.649)
Quỹ phúc lợi	366.975.409	-	366.975.409
Cộng	136.071.760	-	136.071.760

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đinh Vạn Dũng	9.646.740.000	9.646.740.000
Phạm Đức Hùng	11.660.380.000	11.660.380.000
Phạm Hồng Sơn	4.966.000.000	4.966.000.000
Trần Thiện	8.429.920.000	8.343.920.000
Lưu Thanh Xương	9.931.660.000	9.931.660.000
Các cổ đông khác	43.364.560.000	43.450.560.000
Cộng	87.999.260.000	87.999.260.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.799.926	8.799.926
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu phổ thông	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu phổ thông	8.799.926	8.799.926
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/CTC ngày 16 tháng 6 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2017 và hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển để bù đắp số lỗ lũy kế của Công ty.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.146.651.644	1.146.651.644
Trên 01 năm đến 05 năm	3.131.361.806	3.131.361.806
Trên 05 năm	22.427.001.186	19.193.647.930
Cộng	<u>26.705.014.636</u>	<u>23.471.661.379</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực từ 04 năm đến 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh địa phương công bố.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	57.791.335.478	103.442.096.328
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.904.498.691	26.597.319.068
Cộng	<u>85.695.834.169</u>	<u>130.039.415.396</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	44.393.035.419	75.117.615.021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.511.562.738	25.795.537.483
Cộng	<u>63.904.598.157</u>	<u>100.913.152.504</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.278.869	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.874.702	6.483.094
Lãi hợp tác kinh doanh	4.810.733.139	7.790.000.000
Lãi ký quỹ	1.104.000	2.190.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	971.113.200	886.427.743
Cộng	<u>5.806.103.910</u>	<u>8.685.100.837</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.198.116.174	10.852.025.657
Chi phí tài chính khác	-	815.000
Cộng	<u>9.198.116.174</u>	<u>10.852.840.657</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.473.740.735	9.986.870.595
Chi phí vật liệu, bao bì	152.453.110	210.542.037
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	54.118.392	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.262.472.528	1.328.431.421
Thuế, phí và lệ phí	-	6.417.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.313.129.548	6.181.987.267
Các chi phí khác	549.705.615	1.364.166.521
Cộng	<u>11.805.619.928</u>	<u>19.078.415.109</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.008.666.076	3.164.281.431
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.818.176	11.113.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.297.676	898.247.676
Thuế, phí và lệ phí	1.035.334.908	10.576.165
Dự phòng phải thu khó đòi	-	2.302.861.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	509.458.275	800.537.153
Các chi phí khác	1.085.446.020	3.612.561.094
Cộng	<u>6.547.021.131</u>	<u>10.800.178.431</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	655.399.272	-
Thu tiền chiết khấu	13.828.649	162.779.362
Thu hỗ trợ chi phí phát hành sách	-	11.431.718
Thu tiền bồi thường	125.553.197	69.361.131
Xử lý xóa nợ	-	3.223.985.855
Thu nhập từ bán phế liệu	-	11.900.000
Thu nhập khác	33.553.975	39.941.289
Cộng	<u>828.335.093</u>	<u>3.519.399.355</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp thuế, phí, lệ phí	157.253.104	115.968.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	-	56.215.332
Chi phí không có hóa đơn	618.800.000	-
Chi phí khác	38.034.960	1.573.923
Cộng	<u>814.088.064</u>	<u>173.757.590</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60.829.718	425.571.297
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	60.829.718	425.571.297
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.799.926	8.799.926
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7	48

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.799.926	8.799.926
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.799.926	8.799.926

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.500.664.094	11.979.155.389
Chi phí nhân công	12.947.985.797	18.268.577.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.304.562.848	7.418.294.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.137.346.087	9.849.580.358
Chi phí khác	3.516.485.957	8.214.738.146
Cộng	41.407.044.783	55.730.346.355

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Theo Công văn số 314/PC46 ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai đang thụ lý vụ án trốn thuế xảy ra từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2016 tại Nhà hàng Tre Xanh (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Gia Lai CTC), theo đó Cơ quan Cảnh sát điều tra có đủ căn cứ xác định từ tháng 10/2014 đến tháng 6/2016 Ban lãnh đạo cũ của Công ty Cổ phần Gia Lai CTC kê khai, nộp thuế thấp hơn doanh thu của Nhà hàng Tre Xanh với số tiền 8.421.769.293 VND, nhằm giảm số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước số tiền 1.606.022.024 VND (trong đó bao gồm thuế GTGT 842.176.929 VND và thuế TNDN 763.845.095 VND) đã gây thiệt hại Ngân sách

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nhà nước. Đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú các cá nhân có liên quan trên.

2. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.460.000.000	2.054.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	8.451.000.000	4.542.833.333
Trên 05 năm	3.845.000.000	6.159.166.667
Cộng	14.756.000.000	12.756.000.000

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền	7.900.000.000	1.320.000.000
Trả tiền vay	(1.100.000.000)	(1.308.000.000)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20a và V.20b.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	684.326.501	560.706.160
Thù lao	142.155.000	-
Phụ cấp	51.700.000	81.490.000
Cộng	878.181.501	642.196.160

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Du lịch Gia Lai	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2b, V.3, V.6a, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Hoạt động thương mại: buôn bán sách các loại, văn phòng phẩm, siêu thị.
- Hoạt động dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, cho thuê tài sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 03 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.



Lê Quang Hùng
Người lập



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Đặng Thanh Toàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Đơn vị tính: VND						
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.819.458.822	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	209.211.973.748
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	172.819.458.822	29.493.940.864	2.820.455.699	721.584.290	3.356.534.073	209.211.973.748
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.684.481.252	3.968.748.008	222.046.608	345.221.925	334.181.000	13.554.678.793
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	38.072.092.877	15.177.231.985	626.243.576	441.735.495	1.682.352.155	55.999.656.088
Khấu hao trong năm	4.922.729.481	1.692.198.523	173.227.272	41.271.242	356.589.482	7.186.016.000
Số cuối năm	42.994.822.358	16.869.430.508	799.470.848	483.006.737	2.038.941.637	63.185.672.088
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	134.747.365.945	14.316.708.879	2.194.212.123	279.848.795	1.674.181.918	153.212.317.660
Số cuối năm	129.824.636.464	12.624.510.356	2.020.984.851	238.577.553	1.317.592.436	146.026.301.660
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2019



[Handwritten signature]

Lê Quang Hùng
 Người lập

Võ Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng

Đặng Thanh Toàn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(7.002.326.205)	87.425.164.688
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	425.571.297	425.571.297
Tăng khác	-	-	-	4.399.963.000	4.399.963.000
Số dư cuối năm trước	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(2.176.791.908)	92.250.698.985
Số dư đầu năm nay	87.999.260.000	3.056.845.000	3.371.385.893	(2.176.791.908)	92.250.698.985
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	60.829.718	60.829.718
Bù đắp lỗ lũy kế từ quỹ (*)	-	-	(2.176.791.908)	2.176.791.908	-
Số dư cuối năm nay	87.999.260.000	3.056.845.000	1.194.593.985	60.829.718	92.311.528.703

Đơn vị tính: VND

(*) Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ/CTC ngày 16 tháng 6 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2017 và hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển để bù đắp số lỗ lũy kế của Công ty.



Lê Quang Hùng
Người lập



Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đặng Thành Toàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	57.791.335.478	27.904.498.691	-	-	85.695.834.169
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.791.335.478	27.904.498.691	-	-	85.695.834.169
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	57.791.335.478	27.904.498.691	-	-	85.695.834.169
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(82.257.239.216)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					3.438.594.953
Doanh thu hoạt động tài chính					5.806.103.910
Chi phí tài chính					(9.198.116.174)
Thu nhập khác					828.335.093
Chi phí khác					(814.088.064)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					60.829.718
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	820.178.781	-	-	-	820.178.781
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.328.647.299	-	-	-	10.328.647.299
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	103.442.096.328	26.597.319.068	-	-	130.039.415.396
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.442.096.328	26.597.319.068	-	-	130.039.415.396
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	103.442.096.328	26.597.319.068	-	-	130.039.415.396
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(130.791.746.044)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(752.330.648)
Doanh thu hoạt động tài chính					8.685.100.837
Chi phí tài chính					(10.852.840.657)
Thu nhập khác					3.519.399.355
Chi phí khác					(173.757.590)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.060.319.588	-	-	-	4.060.319.588
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.597.764.367	-	-	-	9.597.764.367
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.302.861.280	-	-	-	2.302.861.280
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					

CÔNG TY CỔ PHẦN GIA LAI CTC

Địa chỉ: Số 18 Lê Lai, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục 03: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	227.755.697.221	-	-	-	227.755.697.221
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	17.521.039.792
Tổng tài sản	152.965.208.310	-	-	-	152.965.208.310
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	223.040.969.025	-	-	-	223.040.969.025
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	17.621.039.792
Tổng tài sản	148.411.309.832	-	-	-	148.411.309.832
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	148.411.309.832	-	-	-	148.411.309.832

Gia Lai, ngày 25 tháng 02 năm 2019



[Handwritten signature]

Võ Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng

[Handwritten signature]

Lê Quang Hùng
Người lập